

# TỔ CHỨC HỆ THỐNG TRI THỨC TRONG THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG THEO PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO TÍN CHỈ Ở TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Tiếp theo kì trước)

• PGS.TS. TRẦN KHÁNH ĐỨC  
Đại học Quốc gia Hà Nội

### 3. Liên thông và các loại chương trình liên thông

#### 3.1. Khái niệm về liên thông

Liên thông phản ánh mối quan hệ liên kết, thông suốt giữa hai hay nhiều phần tử trong một tập hợp (hệ thống) nhất định như sự liên thông giữa các khu vực trong một đô thị, liên thông giữa các môn học, các bậc học, cấp học, loại hình đào tạo trong hệ thống GD...

Theo Từ điển GD học, NXB Từ điển bách khoa - Hà Nội 2001 thì “liên thông giữa các môn học là mối quan hệ giữa các môn học về mặt nội dung, kiến thức và kĩ năng, cho phép các môn học thừa kế được kết quả dạy học của nhau, bổ sung và hỗ trợ cho nhau, tránh được những nội dung trùng hợp, không gây cản trở, ách tắc các nguồn thông tin (kiến thức) trong quá trình giảng dạy và học tập. Muốn bảo đảm được tính liên thông giữa các môn học thì công tác biên soạn các chương trình và sách giáo khoa (SGK) phải được chỉ đạo thông suốt, nhất quán và sát sao ngay từ đầu, để người dạy và người học không phải mất công sức đi tìm sự liên thông ấy trong quá trình dạy học hàng ngày”.

Cũng theo Từ điển GD học-NXB Từ điển Bách khoa – Hà Nội 2001 thì liên thông giữa các ngành học là “mối quan hệ giữa các ngành học (phổ thông, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, đại học v.v...) về trình độ, nội dung đào tạo, cho phép người học ngành này có thể chuyển tiếp sang ngành kia một cách thuận lợi, không bị trở ngại vì bị trùng hợp quá nhiều hoặc sự khác biệt quá xa về nội dung và phương pháp đào tạo. Để thực sự đảm bảo được sự liên thông giữa các ngành học, cần tổ chức phối hợp chặt chẽ ngay từ khi xây dựng hệ thống chương trình đào tạo các ngành, cần cung cấp cho nhau đầy đủ thông tin về mức độ yêu cầu nội dung các chương trình đào tạo”.

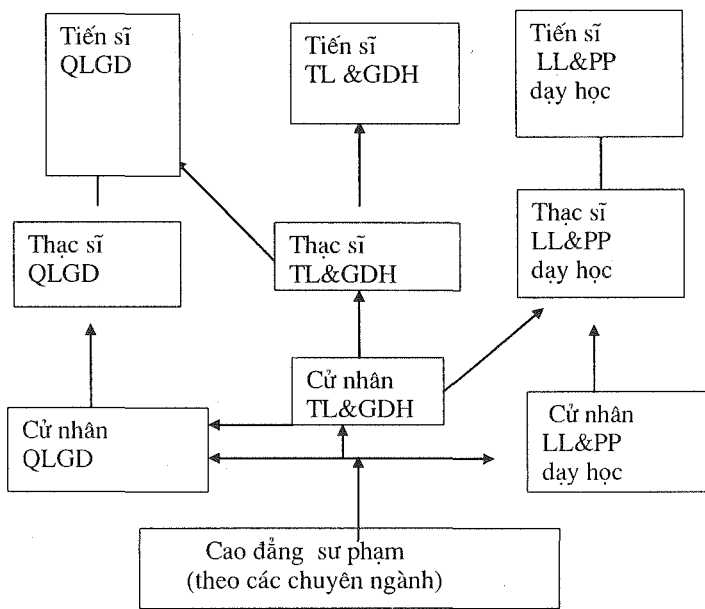
Như vậy, vấn đề liên thông không chỉ đơn thuần là vấn đề bảo đảm tính kế tiếp, kế thừa mục tiêu và

các nội dung, chương trình đào tạo, tránh trùng lặp nội dung đào tạo ở các bậc học để giảm thời gian đào tạo của chương trình mà là vấn đề liên quan đến tổ chức, quản lí cả hệ thống GD ở các bậc và loại hình đào tạo, bảo đảm định hướng, yêu cầu, chuẩn đào tạo và khung chương trình thống nhất ở các bậc đào tạo liên thông. Từ đó có cơ sở để công nhận, thừa nhận lẫn nhau trong một cơ sở đào tạo hoặc giữa các cơ sở đào tạo các kết quả đào tạo của người học (Thừa nhận kết quả học tập theo các môn học theo hệ thống niên chế và thừa nhận các tín chỉ chuyển đổi theo hệ thống học chế tín chỉ)

#### 3.2. Các loại hình liên thông

Trong hệ thống GD đại học nói chung và lĩnh vực sư phạm nói riêng có các loại hình đào tạo liên thông chủ yếu sau:

+ **Liên thông dọc:** Là liên thông giữa các chương trình đào tạo ở các bậc, cấp học khác nhau trong hệ thống GD hoặc hệ thống GD đại học. Ở trình độ đại học có loại hình liên thông



Hình 2. Liên thông theo trình độ và chuyên ngành GD



giữa chương trình đào tạo cao đẳng, cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ của cùng một nhóm ngành hoặc chuyên ngành đào tạo như liên thông giữa các chương trình đào tạo cử nhân QLGD, thạc sĩ QLGD và tiến sĩ QLGD; liên thông giữa các chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Toán với chương trình thạc sĩ và tiến sĩ về lí luận và phương pháp dạy học Toán v.v...

- **Liên thông ngang:** Là loại hình liên thông giữa các chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc các ngành ở cùng một lĩnh vực và một bậc trình độ như : cao đẳng, đại học, sau đại học. Ví dụ như: liên thông giữa các chương trình đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học với các cấp trình độ tương ứng ở chuyên ngành QLGD. Cử nhân khoa học (Toán, Lí...) học tiếp để lấy văn bằng 2 về Cử nhân sư phạm theo chuyên ngành khoa học tương ứng v.v... Hình thức này chủ yếu để đáp ứng nhu cầu có bằng 2 ở cùng một cấp trình độ hoặc chuyển tiếp sang một chuyên ngành khác cùng cấp trình độ đào tạo.

- **Liên thông chéo:** Là loại hình liên thông giữa các chương trình đào tạo trong cùng lĩnh vực (Ví dụ, lĩnh vực GD) nhưng khác bậc trình độ và chuyên ngành như liên thông giữa các chương trình khoa học GD trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm chuyên ngành (Toán, Lí, Văn) với chương trình khoa học GD trong chương trình đào tạo thạc sĩ quản lí GD. Liên thông chéo cũng có thể hình thành trong liên thông giữa các chương trình đào tạo khác trình độ và khác lĩnh vực như liên thông giữa chương trình đào tạo cử nhân khoa học hoặc công nghệ với chương trình đào tạo thạc sĩ về quản trị kinh doanh hoặc kinh tế hiện có ở nhiều nước (đương nhiên là đòi hỏi có các điều kiện nhất định và có chương trình học bổ sung các phần cơ bản theo chuyên ngành mới).

**3.3. Các kiểu chương trình liên thông**

a. **Kiểu chuyển tiếp/kế tiếp:** Các chương trình đào tạo liên thông theo các cấp trình độ trong giáo dục đại học được chuyển tiếp bằng cách tinh giản các nội dung đào tạo ở các trình độ chuyển tiếp cao hơn (ví dụ tinh giản chương trình cử nhân các nội dung đã học ở chương trình cao đẳng cùng chuyên ngành) hoặc thêm các nội dung bổ sung và nâng cao theo mục tiêu đào tạo mới (nếu xây dựng chương trình cử nhân dựa trên chương trình cao đẳng). Kiểu liên thông này, về cơ bản là rút ngắn thời gian đào tạo các bậc học kế tiếp trên cơ sở tinh giản các nội dung trùng nhau (đã được đào tạo ở bậc dưới), bổ sung thêm phần chuyển tiếp (nếu cần thiết) giữa các bậc trình độ đào tạo từ thấp đến cao. Các nội dung trùng lặp được loại bỏ (do được thừa nhận các nội dung đã học ở bậc thấp hơn). Kiểu chương trình liên thông trên rất dễ dàng, đơn giản trong quá trình xây dựng song có các hạn chế cơ bản sau:

- Các chương trình đào tạo không có kết nối liên tục về cấu trúc và các thành phần nội dung do việc cắt bỏ chủ yếu theo cơ học và tăng/giảm

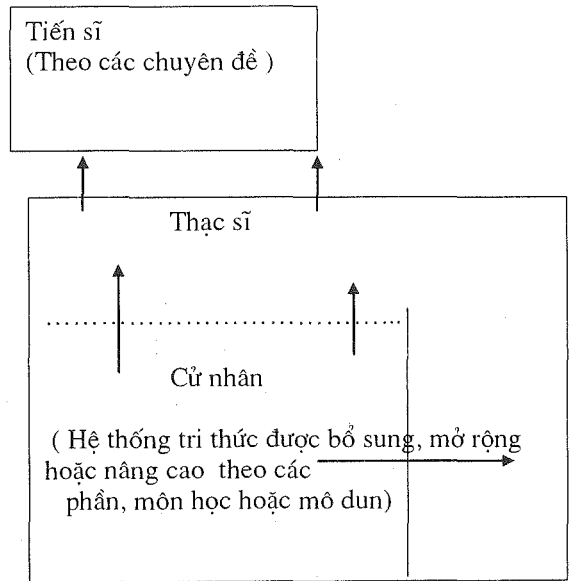
lượng thời gian thực hiện ở cùng một nội dung đào tạo.

- Dễ xảy ra sự tùy tiện trong quá trình điều chỉnh chương trình ở các nhóm ngành hoặc chuyên ngành khác nhau. Một số tri thức cùng loại cần được tiếp tục học ở bậc kế tiếp với trình độ nhận thức cao hơn, sâu hơn (như phân tích, tổng hợp, đánh giá...) song có thể không được chú ý đúng mức và bị loại bỏ do hình thức đơn thuần là giống nhau.

- Khó thực hiện liên thông ngang và liên thông chéo do cấu trúc chương trình các ngành thường không đồng nhất. Có thể cùng một nội dung, một loại tri thức và mức độ yêu cầu về mục tiêu song lại nằm ở các phần học, môn học khác nhau về cấu trúc và thời lượng. Trường hợp này rất khó bóc tách để tinh giản, để tránh trùng lặp hoặc bổ sung, nâng cao

**b. Kiểu tích hợp: (Hình 3)**

Kiểu tích hợp được thực hiện trên cơ sở các nội dung dạy học (môn học, mô đun) ở các chương trình theo các cấp đào tạo được thiết kế theo hướng có khung chương trình thống nhất và liên tục ở các cấp đào tạo cao đẳng/cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ cùng ngành hoặc chuyên ngành. Hệ thống tri thức (khái niệm, nguyên lí, quy luật, quy trình...) ở các nội dung dạy học theo môn học hoặc mô đun được mở rộng và nâng cao theo các bậc trình độ từ thấp đến cao tương ứng với mục tiêu đào tạo ở các cấp. Kiểu tích hợp cho phép chọn lọc các nội dung (ví dụ, phạm vi tri thức và trình độ nhận thức về nội hàm và ngoại diên của một khái niệm) phù hợp với mục tiêu đào tạo ở từng trình độ. Nội dung dạy học ở trình độ cao được xây dựng và phát triển trên cơ sở nội dung ở trình độ thấp hơn. Đối với đào tạo trình độ tiến sĩ, các nội dung đào tạo



Hình 3. Cấu trúc chương trình liên thông kiểu tích hợp

được thiết kế theo các chuyên đề (bắt buộc hoặc tự chọn) trên cơ sở mục tiêu đào tạo tiến sĩ theo chuyên ngành và nội dung đào tạo thạc sĩ cùng chuyên ngành.

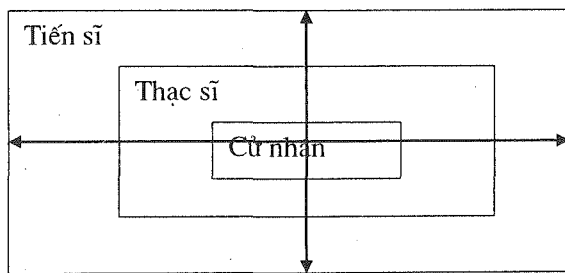
*c. Kiểu đồng tâm: (Hình 4)*

Hệ thống tri thức trong các nội dung dạy học của chương trình liên thông được thiết kế theo hướng cấu trúc đồng tâm. Các nội dung đào tạo (môn học, phân học) về cơ bản có cấu trúc giống nhau về hệ thống các kiến thức, kỹ năng song các kiến thức, kỹ năng đó được mở rộng và nâng cao dần từ tâm ra ngoài theo các bậc trình độ. Ví dụ, cùng một nội dung môn học hay một khái niệm (chẳng hạn, khái niệm "dạy học") được trình bày từ đơn giản đến phức tạp, từ hẹp đến rộng theo các bậc đào tạo kế tiếp phù hợp với mục tiêu đào tạo và thời lượng tương ứng của bậc đào tạo dành cho môn học hoặc phân học đó.

Kiểu đồng tâm cho phép bảo đảm tính kế tiếp liên tục hệ thống kiến thức, kỹ năng của nội dung đào tạo theo từng phần, môn học ở các cấp trình độ đào tạo. Tuy nhiên kiểu này cũng có một số nhược điểm sau:

- Chỉ thích hợp với mô hình liên thông dọc (các bậc trình độ khác nhau theo cùng một chuyên ngành đào tạo). Việc thực hiện liên thông ngang và chéo sẽ gặp khó khăn do không nhất quán về hệ mục tiêu và cấu trúc chương trình khác nhau ở các chuyên ngành khác nhau.

- Dễ xuất hiện khả năng trùng lặp nội dung đào tạo, tốn thời gian nhắc lại, lặp lại kiến thức đã học ở bậc dưới. Chương trình nặng nề (do theo tiếp cận nội dung quá đầy đủ và hệ thống) nếu không có sự chọn lọc, tinh giản cần thiết theo các tiếp cận mục tiêu hoặc tiếp cận hành vi/hoạt động.



Hình 4. Chương trình đào tạo liên thông kiểu đồng tâm

Chương trình liên thông được xây dựng trên cơ sở chương trình môn học (subjects) với hệ thống các môn học kế tiếp theo các bậc hoặc chuyên ngành đào tạo và kiểu mô đun hoá các nội dung đào tạo. Chương trình đào tạo ở mỗi bậc được hình thành trên cơ sở tổ hợp các mô đun đào tạo (bắt buộc và lựa chọn tự do hoặc có điều kiện) đáp ứng theo mục tiêu đào tạo. Các mô đun đào tạo được thiết kế kiểu tích hợp (không hoàn toàn trùng theo nội dung một môn

học truyền thống) mà theo định hướng mục tiêu và theo các bậc trình độ đào tạo (cao đẳng, cử nhân, cao học, tiến sĩ...). Chương trình đào tạo được liên thông trên cơ sở kế thừa và liên tục của các mô đun (hoặc nhóm mô đun) đào tạo ở các bậc đào tạo khác nhau. Ví dụ, các mô đun về kỹ năng dạy học được thiết kế theo các bậc hình thành kỹ năng dạy học (kỹ năng cơ bản, kỹ năng nâng cao, nghiên cứu, phát triển kỹ năng v.v...) tương ứng với các bậc trình độ đào tạo cao đẳng, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ ở các chuyên ngành về lý luận và phương pháp dạy học. Chương trình liên thông kiểu mô đun có tính định hướng mục tiêu cao, cho phép hình thành các chương trình đào tạo linh hoạt, mềm dẻo trong một bậc đào tạo và trong cả các bậc đào tạo liên thông, kế tiếp nhau.

### Kết luận

Hệ thống tri thức và kỹ năng có một vị trí và vai trò quan trọng trong quá trình phát triển các chương trình đào tạo liên thông ở đại học theo hệ thống tín chỉ. Hệ thống tri thức không chỉ được phản ánh trong nội dung đào tạo ở các môn học, phân học mà còn được thể hiện ở các thành phần khác trong chương trình đào tạo như mục tiêu, cấu trúc chương trình, phương pháp giảng dạy và cách thức tổ chức dạy học và đánh giá... Điều này đặc biệt quan trọng khi chuyển từ chương trình đào tạo kiểu hàn lâm truyền thống, nặng về cung cấp hệ thống tri thức sang chương trình đào tạo hiện đại theo định hướng mục tiêu và nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật GD năm 2005, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2006.
2. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Chủ biên) *Một số vấn đề về GD Đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
3. Trần Khánh Đức, *Kinh tế tri thức và phát triển chương trình đại học hiện đại*, Tạp chí khoa học, ĐH quốc gia Hà Nội, 2007.
4. Trần Khánh Đức (đồng chủ biên) *GD Việt Nam- Đổi mới và Phát triển hiện đại hóa*, NXB GD, 2007.
5. Đặng Bá Lâm, *Kiểm tra-đánh giá dạy-học đại học*, NXB GD Hà Nội, 2003.
6. R. Diamon, *Thiết kế và Đánh giá chương trình khoa học (Cảm nang hữu dụng)*, NXB Đại học Quốc gia, 2003.
7. Jon Wiles and Joseph Bondi, *Xây dựng chương trình học - Hướng dẫn thực hành*, NXB GD Hà Nội, 2005.
8. Từ điển GD học, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2001.

### SUMMARY

The article deals with how to organize the knowledge system in designing the interconnected curriculum in the form of credit-based training at the higher education level.